

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 698/TTr-TNMT ngày 08/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Nexuns Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Nhà xưởng CN-09-07, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy Nexuns Việt Nam” tại Lô CN-09, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy Nexuns Việt Nam

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Nexuns Việt Nam

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-09, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400861663 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/04/2019, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 11/3/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9923077656 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 09/4/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 03/8/2021.

1.5. Mã số thuế: 2400861663

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất, gia công các sản phẩm sử dụng năng lượng mặt trời và các sản phẩm phục vụ cho điện thoại di động

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô CN-09, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình.

- Sản xuất, gia công các sản phẩm sử dụng năng lượng mặt trời:

+ Tấm năng lượng mặt trời có thể gấp: 100.000 sản phẩm/năm.

+ Tấm năng lượng mặt trời ETFE có thể gấp lại: 28.000 sản phẩm/năm.

+ Ba lô năng lượng mặt trời: 3.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất và gia công linh kiện của các sản phẩm sử dụng năng lượng mặt trời:

+ Bộ sạc sử dụng năng lượng mặt trời 100W: 10.000 sản phẩm/năm.

+ Tấm năng lượng mặt trời tùy chỉnh: 200.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất và gia công sản phẩm phục vụ cho điện thoại di động:

+ Bộ sạc sử dụng năng lượng mặt trời: 90.000 sản phẩm/năm.

+ Bộ sạc di động sử dụng năng lượng mặt trời: 90.000 sản phẩm/năm.

+ Pin dự phòng cho điện thoại di động sử dụng năng lượng mặt trời: 1.200 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nexuns Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Nexuns Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Nexuns Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy Nexuns Việt Nam” tại lô CN-09, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Nexuns Việt Nam làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy Nexuns Việt Nam” có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy Nexuns Việt Nam” tại CN-09, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Nexuns Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 817/QĐ-TNMT ngày 22/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Nexuns Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang; UBND huyện Việt Yên; Công ty TNHH Nexuns Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Nexuns Việt Nam (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI *(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải phát sinh của Công ty TNHH Nexuns Việt Nam được thu gom vào trạm xử lý nước thải công suất 15m³/ngày đêm để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung (do Công ty TNHH Fugiang xây dựng, quản lý và vận hành) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường, dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường. Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại 5 ngăn có thể tích 20m³, sau đó theo đường ống PCV D300 với tổng chiều dài khoảng 500m dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vân Trung để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải của Công ty TNHH Nexuns Việt Nam:

Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Vân Trung.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học hiếu khí MBBR.

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày đêm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc của trạm xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải. Nếu phát hiện có bất cứ thông số nào vượt quá ngưỡng cho phép theo Quy chuẩn hiện hành thì lập tức cho kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

- Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo hoạt động của các phụ tải điện, tránh hiện tượng trạm xử lý nước thải ngừng hoạt động.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Vân Trung; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động trạm xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị quản lý KCN Vân Trung khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên (không đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa trạm xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của trạm xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của trạm xử lý, Chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua trạm xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 20/12/2023 đến ngày 20/3/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 trạm xử lý nước thải công suất 15m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí trước và sau xử lý của trạm xử lý nước thải công suất 15m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (chi tiết theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu (giai đoạn vận hành ổn định)

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể thu gom của trạm xử lý nước thải sinh hoạt)	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , Tổng chất rắn lơ lửng, sunfua (tính theo H ₂ S),	- Thực hiện lấy 01 lần; - Thời gian lấy mẫu: 20/12/2023.	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.
2	01 vị trí tại điểm xả nước thải tại hố ga sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt	Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng N, tổng P, Coliform	Thực hiện lấy mẫu 03 lần trong 03 ngày liên tiếp: - Lần 1: 20/12/2023; - Lần 2: 21/12/2023; - Lần 3: 22/12/2023.	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, huyện Việt Yên. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Việc vận hành trạm xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy

đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng Tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, Công ty TNHH Fugiang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải: 04 nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ quá trình hàn thiếc (09 máy hàn).
- Nguồn số 02: Khí thải từ quá trình gắn keo (02 máy).
- Nguồn số 03: Khói, bụi thải từ công đoạn cắt định hình sản phẩm.
- Nguồn số 04: Mùi, hơi còn phát sinh từ quá trình làm sạch sản phẩm

2. Dòng khí thải và vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau 01 hệ thống xử lý khí thải trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: Gồm 01 vị trí tại 01 ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0). Tọa độ: X: 2349620; Y: 0410572.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lưu lượng xả khí thải tối đa 2.772 m³/giờ tương đương 44.352 m³/ngày (1 ngày làm việc 16 giờ).

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 16 giờ/ngày).

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	Dự án không thuộc

2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	đối tượng quan trắc định kỳ đối với khí thải theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ -CP ngày 10/01/2022
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	-	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	-	
5	Benzen	mg/Nm ³	-	5	
6	Toluen	mg/Nm ³	-	750	
7	Xylen	mg/Nm ³	-	870	
8	Metanol	mg/Nm ³	-	260	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

* Khí thải phát sinh từ 09 máy hàn được thu gom qua các chụp hút vào đường ống thu gom bằng nhựa Φ100 dài 2,5m, theo hệ thống ống dẫn khí tổng bằng inox D300x300mm dẫn về hệ thống xử lý khí thải của dự án.

* Khí thải từ 02 máy gắn keo được thu gom qua các chụp hút vào đường ống thu gom bằng nhựa Φ100 dài 2,5m, theo hệ thống ống dẫn khí tổng bằng inox D300x300mm dẫn về hệ thống xử lý khí thải của dự án.

* Khói, bụi thải từ công đoạn cắt định hình sản phẩm được thu gom qua các chụp hút vào đường ống thu gom bằng nhựa Φ100 dài 2,5m, theo hệ thống ống dẫn khí tổng bằng inox D300x300mm dẫn về hệ thống xử lý khí thải của dự án.

* Mùi, hơi cồn phát sinh từ quá trình làm sạch sản phẩm được thu gom qua các chụp hút Φ200mm vào đường ống thu gom bằng nhựa Φ100mm dài 2,5m, theo hệ thống ống dẫn khí tổng bằng inox D300x300mm dẫn về hệ thống xử lý khí thải của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Toàn bộ khí thải (phát sinh từ công đoạn hàn, gắn keo, làm sạch, cắt định hình sản phẩm) → Chụp hút → Ống dẫn D300x300 → Tháp hấp thụ than hoạt tính (01 khay đựng lưới lọc bụi thô, 04 khay đựng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 01 Hệ thống xử lý khí thải, công suất 10.000m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 112 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

** Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường*

- Dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ (01 năm/lần) thuê đơn vị bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép; tần suất thay than hoạt tính 03 tháng/lần.

** Biện pháp ứng phó sự cố:*

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 20/12/2023 đến ngày 20/3/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải.

2.3. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm từng dòng thải tương ứng (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.5. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Tại ống thoát khí sau hệ	Lưu lượng, bụi tổng, SO ₂ ,	Tần suất quan trắc khí thải là 01	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B;

thống xử lý khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường	CO, Benzen, Toluen, Xylen, methanol	ngày/lần, trong 03 ngày liên tiếp. Lần 1: ngày 20/12/2023; Lần 2: ngày 21/12/2023; Lần 3 ngày 22/12/2023.	QCVN 20:2009/ BTNMT.
---------------------------------------------------------	-------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

01 nguồn tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất tại khu vực nhà xưởng của dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, trục kinh tuyến 107^0 , múi chiếu 3^0).

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 vị trí tại khu vực xưởng sản xuất.
- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0): X = 2349623; Y = 0410335.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4m/s ²	1,4m/s ²	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt máy móc, lắp đặt chân đệm cao su giảm rung động, ồn.

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Đối với thiết bị vận hành cố định (như máy bơm, máy phát điện dự phòng) được bố trí khu vực riêng.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: Nút tai, bao tai, mũ bảo hiểm, găng tay, kính,...

- Bố trí thời gian làm việc cho cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn kéo dài.

- Đối với tiếng ồn từ các phương tiện giao thông: Yêu cầu công nhân tắt máy, dẫn bộ đối với xe máy khi ra vào nhà máy. Các phương tiện vận chuyển phải được yêu cầu hạn chế việc bấm còi xe trong khu vực nếu không cần thiết.

- Ngoài ra bổ sung rải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan, vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 671 kg/năm, trong đó:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
2	Giẻ lau, găng tay nhiễm TPNH	Rắn	62	18 02 01
3	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	112	12 01 04
4	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	36	17 02 03
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (hộp đựng keo)	Rắn	48	18 01 03
6	Tấm pin lỗi hỏng	Rắn	408	19 06 05
Tổng khối lượng			671	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 3.540 kg/năm gồm:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng phát sinh
2	Ba via các tấm	Kg/tháng	80
3	Vụn vải, chỉ, tấm vải hỏng	Kg/tháng	95
5	Bao bì cactong, nilon hỏng, lõi băng dính, palet gỗ...	Kg/tháng	120

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng phát sinh
	Tổng	Kg/năm	3540

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án khoảng 30 kg/ngày tương đương khoảng 9.360 kg/năm, thành phần gồm: bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 06 thùng chứa chất thải chuyên dụng dung tích 120l/thùng, có nắp đậy, mỗi loại chất thải đựng vào thùng chứa riêng, trên mỗi thùng có dán mã chất thải tương ứng, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại 10m², được bố trí bên cạnh nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có kết cấu tường bằng vật liệu ngăn panel, sàn bê tông xi măng có quét sơn chống thấm, mái che bằng tôn, lắp đặt cửa ra vào, có khóa, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH, trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 06 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa chất thải dung tích 120 lít/thùng để thu gom các loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh.

2.2.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải: 20 m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có kết cấu tường bằng vật liệu ngăn panel, sàn bê tông xi măng có quét sơn chống thấm, mái che bằng tôn, trên cửa có lắp biển tên đúng quy cách, được bố trí cạnh kho rác sinh hoạt.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 01 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa chất thải dung tích 10 - 30 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng, nhà xưởng, nhà vệ sinh để thu gom và phân loại chất thải phát sinh tại nguồn.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: Kho chứa diện tích 20 m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có kết cấu tường bằng vật liệu ngăn panel, sàn bê tông xi măng có quét sơn chống thấm, mái che bằng tôn, trên cửa có lắp biển tên đúng quy cách, được bố trí cạnh kho rác công nghiệp.
- Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 01 tuần/lần.
- Bùn cặn bể phốt, trạm xử lý nước thải: Không bố trí thiết bị và khu vực lưu chứa, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý. Chỉ tiếp tục hoạt động sản xuất sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Nexuns Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân Trung, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 698/TTr-TNMT ngày 08/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.